

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 140

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bún thịt bò, củ cải, khoai tây, hạt cà ri, caron - NT Nhóm 2: Cháo thịt bò khoai tây - Uống sữa
Trưa: Cơm trắng - Cá ba sa rim mắm, hành baro - Canh khoai mỡ nấu thịt heo - Cải xoong luộc
Xế: Bánh Flan
Xế chiều: Cháo lươn khoai môn, nấm đùi gà, rau mồng tơi

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	700	6,280	43,960
2	0494	Đường cát	1,400	3,780	52,920
3	N0966	Muối Iot	900	740	6,660
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,800	4,180	75,240
5	0004	Gạo tẻ máy	10,400	2,560	266,240
6	0120	Hành lá (hành hoa)	350	5,360	18,760
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	250	8,820	22,050
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	100	5,780	5,780
9	0185	Tỏi ta	100	7,350	7,350
10	N0956	Bún gạo 3 Cây dừa	2,300	4,950	113,850
11	0286	Thịt bò loại II	1,600	36,750	588,000
12	0103	Củ cải trắng	700	2,730	19,110
13	0037	Khoai tây	600	3,890	23,340
14	N0861	Dầu màu điều	70	42,900	30,030
15	0172	Rau xà lách	400	5,040	20,160
16	0158	Rau húng	150	11,870	17,805
17	0436	Cá basa (phi lê)	5,800	13,550	785,900
18	0186	Tỏi tây (cả lá)	400	8,610	34,440
19	0751	Khoai mỡ	3,500	4,620	161,700
20	N0770	Thịt nạc dăm	1,300	18,380	238,940
21	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,410	9,615
22	0096	Cải xoong (xà lách xoong)	1,200	11,760	141,120
23	0033	Khoai môn	1,000	6,410	64,100
24	0411	Lươn	1,600	25,410	406,560
25	0635	Nấm đùi gà	500	9,560	47,800
26	0163	Rau mồng tơi	600	4,520	27,120
27	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	4,480	14,750	660,800

28	0457	Sữa bột toàn phần	6,618.7	19,500	1,290,647
Tổng cộng					5,179,997

Tổng tiền thực phẩm	5,179,997
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	5,179,993
Số dư đầu ngày	-7
Số dư cuối ngày	-4
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	35,964,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	35,964,004

Phó Hiệu Trưởng

Cấp Dưỡng

Kế Toán

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan